

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐĂNG GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO
KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 21/9/2025

PHÒNG THI: 01

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.21925-001	Phạm Thế An	Nam	23/01/2002	Thái Nguyên
2	TN.21925-002	Nguyễn Kim Anh	Nữ	11/05/2004	Tuyên Quang
3	TN.21925-003	Phạm Hùng Anh	Nam	23/10/2004	Thái Nguyên
4	TN.21925-004	Trương Quang Anh	Nam	06/09/1998	Bắc Giang
5	TN.21925-005	Phan Bảo Anh	Nam	19/08/2002	Nghệ An
6	TN.21925-006	Lê Thị Kim Anh	Nữ	11/11/2002	Vĩnh Phúc
7	TN.21925-007	Lê Thị Minh Ánh	Nữ	14/06/2002	Lào Cai
8	TN.21925-008	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	03/04/2002	Phú Thọ
9	TN.21925-009	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Nữ	16/04/2002	Thái Nguyên
10	TN.21925-010	Lê Thị Bích	Nữ	23/09/2004	Phú Thọ
11	TN.21925-011	Kiều Thị Thúy Bình	Nữ	26/12/2002	Phú Thọ
12	TN.21925-012	Dương Thị Bùi	Nữ	25/12/1991	Thái Nguyên
13	TN.21925-013	Đặng Thị Cam	Nữ	29/11/2001	Tuyên Quang
14	TN.21925-014	Nguyễn Văn Cân	Nam	01/09/1967	Bắc Ninh
15	TN.21925-015	Trần Minh Cường	Nam	12/06/2001	Thái Nguyên
16	TN.21925-016	Nguyễn Văn Cường	Nam	14/06/2002	Bắc Ninh
17	TN.21925-017	Nguyễn Khánh Chi	Nữ	21/03/2002	Sơn La
18	TN.21925-018	Đoàn Quỳnh Chi	Nữ	16/11/2002	Quảng Ninh
19	TN.21925-019	Nguyễn Minh Chi	Nữ	24/10/2000	Hà Nội
20	TN.21925-020	Dương Minh Chiến	Nam	08/10/2002	Bắc Giang
21	TN.21925-021	Đinh Văn Dĩ	Nam	18/04/2002	Quảng Bình
22	TN.21925-022	Hà Hương Dịu	Nữ	10/03/2003	Bắc Kạn
23	TN.21925-023	Nguyễn Thị Hương Dịu	Nữ	03/01/2002	Phú Thọ
24	TN.21925-024	Nguyễn Thị Hiền Dịu	Nữ	02/01/2002	Tuyên Quang
25	TN.21925-025	Nguyễn Hải Dung	Nữ	09/07/2002	Quảng Ninh
26	TN.21925-026	Nguyễn Tiến Duy	Nam	02/12/2002	Hà Nội
27	TN.21925-027	Ma Thị Thu Duyên	Nữ	07/12/2001	Tuyên Quang
28	TN.21925-028	Ngô Bạch Dương	Nữ	09/01/2003	Hà Nội
29	TN.21925-029	Lương Thị Minh Giang	Nữ	16/10/2002	Phú Thọ
30	TN.21925-030	Vi Thị Hương Giang	Nữ	18/09/2003	Thái Nguyên
31	TN.21925-031	Hoàng Nguyên Giáp	Nam	23/02/2002	Lạng Sơn
32	TN.21925-032	Nguyễn Bảo Hà	Nữ	02/10/2004	TP. HCM
33	TN.21925-033	Nguyễn Việt Hà	Nữ	10/10/2004	Tuyên Quang
34	TN.21925-034	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	30/03/2004	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có 34 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐẤNG GIÁC NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KNLNN 6 BẬC
DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 21/9/2025

PHÒNG THI: 02

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.21925-035	Nguyễn Thị Thái Hà	Nữ	24/10/1988	Thái Nguyên
2	TN.21925-036	Nguyễn Thị Hà	Nữ	09/10/2002	Hà Nội
3	TN.21925-037	Trần Trọng Hà	Nam	25/11/2004	Bắc Ninh
4	TN.21925-038	Trần Sơn Hà	Nam	24/08/1998	Hà Nội
5	TN.21925-039	Lại Thanh Hà	Nữ	02/12/2005	Tuyên Quang
6	TN.21925-040	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	29/03/2004	Gia Lai
7	TN.21925-041	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	15/05/2003	Cao Bằng
8	TN.21925-042	Mông Thị Hệt	Nữ	03/10/1998	Cao Bằng
9	TN.21925-043	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	28/09/2004	Tuyên Quang
10	TN.21925-044	Lý Thu Hiền	Nữ	24/09/1997	Lai Châu
11	TN.21925-045	Đỗ Vũ Thanh Hiếu	Nữ	18/05/2005	Tuyên Quang
12	TN.21925-046	Nguyễn Thúy Hoa	Nữ	02/12/2005	Tuyên Quang
13	TN.21925-047	Mê Thị Hoan	Nữ	25/09/2003	Sơn La
14	TN.21925-048	Bùi Việt Hoàng	Nam	20/10/1998	Phú Thọ
15	TN.21925-049	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	19/01/2002	Hà Nội
16	TN.21925-050	Ma Thị Bích Hồng	Nữ	12/08/2004	Tuyên Quang
17	TN.21925-051	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	11/10/2004	Tuyên Quang
18	TN.21925-052	Diệp Thị Huệ	Nữ	17/10/2002	Thái Nguyên
19	TN.21925-053	Vũ Quang Huy	Nam	23/08/2004	Quảng Ninh
20	TN.21925-054	Phạm Đức Huy	Nam	20/01/1998	Nam Định
21	TN.21925-055	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	21/01/2003	Thái Nguyên
22	TN.21925-056	Trần Thị Mai Hương	Nữ	10/10/2002	Lào Cai
23	TN.21925-057	Lê Thị Hương	Nữ	28/05/2004	Thái Nguyên
24	TN.21925-058	Trương Thị Hương	Nữ	20/03/1990	Ninh Bình
25	TN.21925-059	Lê Thị Mai Hương	Nữ	21/03/2002	Lạng Sơn
26	TN.21925-060	Nguyễn Duy Khánh	Nam	02/11/2003	Phú Thọ
27	TN.21925-061	Tạ Văn Khánh	Nữ	20/12/2004	Nam Định
28	TN.21925-062	Thào A Kho	Nam	09/03/2003	Lào Cai
29	TN.21925-063	Nông Thị Lanh	Nữ	02/08/2004	Bắc Kạn
30	TN.21925-064	Hà Thanh Lâm	Nam	21/05/2002	Hà Nội
31	TN.21925-065	Vũ Bích Liên	Nữ	17/07/2003	Quảng Ninh
32	TN.21925-066	Vũ Hồng Liên	Nữ	03/12/2003	Bắc Ninh
33	TN.21925-067	Quan Thị Khánh Linh	Nữ	17/10/2006	Tuyên Quang
34	TN.21925-068	Hoàng Thị Mỹ Linh	Nữ	26/04/2002	Vĩnh Phúc

Ấn định danh sách có 34 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO
KNI NN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 21/9/2025

PHÒNG THI: 03

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.21925-069	Vũ Thùy Linh	Nữ	25/09/1996	Thái Nguyên
2	TN.21925-070	Lương Thị Loan	Nữ	25/12/2004	Tuyên Quang
3	TN.21925-071	Mùi Thị Cẩm Ly	Nữ	30/08/2004	Sơn La
4	TN.21925-072	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	20/09/2002	Bắc Ninh
5	TN.21925-073	Lường Thị Thái Mai	Nữ	10/07/2004	Sơn La
6	TN.21925-074	Vũ Phương Mai	Nữ	19/12/2002	Bắc Ninh
7	TN.21925-075	Mùa Thị Mị	Nữ	30/11/2004	Sơn La
8	TN.21925-076	Dương Quang Minh	Nam	12/10/2000	Thái Nguyên
9	TN.21925-077	Nguyễn Văn Minh	Nam	26/08/1978	Hà Nội
10	TN.21925-078	Ma Thị Ngà	Nữ	05/01/2004	Tuyên Quang
11	TN.21925-079	Hoàng Thảo Ngân	Nữ	28/10/2002	Cao Bằng
12	TN.21925-080	Lê Thị Minh Nghĩa	Nữ	05/05/2002	Phú Thọ
13	TN.21925-081	Dương Hiếu Nghĩa	Nam	18/07/2002	Thái Nguyên
14	TN.21925-082	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	26/03/2002	Thái Bình
15	TN.21925-083	Ngân Ánh Nguyệt	Nữ	16/10/2003	Thanh Hoá
16	TN.21925-084	Nguyễn Thị Thu Nhân	Nữ	28/04/2002	Quảng Trị
17	TN.21925-085	Đinh Thị Thuý Nhung	Nữ	01/10/2004	Tuyên quang
18	TN.21925-086	Lường Hoàng Nhung	Nữ	30/05/2002	Thái Nguyên
19	TN.21925-087	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	02/03/2002	Hà Nội
20	TN.21925-088	Ma Thị Hồng Nhung	Nữ	03/03/2004	Tuyên Quang
21	TN.21925-089	Trương Tam Phong	Nam	20/09/2004	Tuyên Quang
22	TN.21925-090	Nguyễn Kim Phúc	Nam	24/01/2002	Phú Thọ
23	TN.21925-091	Quân Trương Thảo Phương	Nữ	09/06/2002	Tuyên Quang
24	TN.21925-092	Lâm Thị Phương	Nữ	21/07/1998	Bắc Ninh
25	TN.21925-093	Hoàng Ngọc Phượng	Nữ	27/08/2002	Hà Nội
26	TN.21925-094	Phạm Thị Phượng	Nữ	29/11/1987	Hải Phòng
27	TN.21925-095	Lương Minh Quang	Nam	16/08/2001	Cao Bằng
28	TN.21925-096	Hoa Thị Quỳnh	Nữ	22/02/2002	Hà Nội
29	TN.21925-097	Quảng Thị Quỳnh	Nữ	26/12/2001	Lai Châu
30	TN.21925-098	Bùi Thuý Quỳnh	Nữ	24/09/1999	Thái Nguyên
31	TN.21925-099	Hoàng Văn Sơn	Nam	05/08/2000	Tuyên Quang
32	TN.21925-100	Giàng Thị Súa	Nữ	20/07/2001	Lào Cai
33	TN.21925-101	Triệu Thanh Tâm	Nữ	17/08/2004	Tuyên Quang
34	TN.21925-102	Phạm Thị Tắm	Nữ	22/10/2004	Phú Thọ

Ấn định danh sách có 34 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH GIA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 ĐẾN BẠC 5 THEO
KNLNN 6 BẠC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 21/9/2025

PHÒNG THI: 04

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.21925-103	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	01/05/2002	Tuyên Quang
2	TN.21925-104	Đặng Nam Thái	Nam	14/06/2000	Thái Nguyên
3	TN.21925-105	Bùi Phương Thanh	Nữ	23/05/2002	Phú Thọ
4	TN.21925-106	Hoàng Thu Thảo	Nữ	28/11/2004	Sơn La
5	TN.21925-107	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	23/07/2002	Bắc Ninh
6	TN.21925-108	Dương Phương Thảo	Nữ	15/08/2002	Bắc Ninh
7	TN.21925-109	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	11/01/2002	Nghệ An
8	TN.21925-110	Bùi Phương Thảo	Nữ	27/09/2004	Tuyên Quang
9	TN.21925-111	Ngô Bích Thảo	Nữ	27/07/2003	Sơn La
10	TN.21925-112	Lương Thị Thảo	Nữ	24/01/2002	Bắc Ninh
11	TN.21925-113	Bùi Xuân Thắng	Nam	21/07/2004	Tuyên Quang
12	TN.21925-114	Đào Thị Thiết	Nữ	16/09/1990	Thái Nguyên
13	TN.21925-115	Lương Thị Thơm	Nữ	10/06/2004	Tuyên Quang
14	TN.21925-116	Nguyễn Thị Thu	Nữ	17/08/2002	Ninh Bình
15	TN.21925-117	Nguyễn Ngọc Thuận	Nam	01/03/2001	Ninh Bình
16	TN.21925-118	Lê Thao Thuý	Nữ	05/05/2004	Tuyên Quang
17	TN.21925-119	Đỗ Thị Minh Thùy	Nữ	25/11/2004	Yên Bái
18	TN.21925-120	Phan Thị Thương	Nữ	19/10/2004	Tuyên Quang
19	TN.21925-121	Bùi Thị Thương Thương	Nữ	16/08/2002	Bắc Ninh
20	TN.21925-122	Lương Thị Thủy Trang	Nữ	29/04/2002	Bắc Ninh
21	TN.21925-123	Mai Thùy Trang	Nữ	30/06/2002	Lào Cai
22	TN.21925-124	Giáp Thu Trang	Nữ	20/01/2004	Cao Bằng
23	TN.21925-125	Lê Thu Trang	Nữ	16/11/2003	Bắc Giang
24	TN.21925-126	Nguyễn Thị Trang	Nữ	04/09/2002	Thái Nguyên
25	TN.21925-127	Khuất Thị Trang	Nữ	06/04/2003	Lai Châu
26	TN.21925-128	Nguyễn Linh Kiều Trang	Nữ	02/01/2002	Hà Nội
27	TN.21925-129	Đỗ Thị Thùy Trang	Nữ	31/07/2002	Bắc Ninh
28	TN.21925-130	Nông Thị Huyền Trang	Nữ	13/05/2001	Cao Bằng
29	TN.21925-131	Dương Minh Trí	Nam	27/03/2000	Cao bằng
30	TN.21925-132	Hoàng Thị Thanh Trúc	Nữ	28/09/2002	Hưng Yên
31	TN.21925-133	Đặng Lê Vinh	Nam	13/09/2003	Thái Nguyên
32	TN.21925-134	Nguyễn Đức Anh Vũ	Nam	01/11/2000	Thái Nguyên
33	TN.21925-135	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	06/02/2003	Bắc Ninh
34	TN.21925-136	Đinh Hải Yến	Nữ	23/02/2004	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có 34 thí sinh.